

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
I	CẤP TỈNH							
1	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	Không quy định	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	(1) Điều 90 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 119 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	

¹ Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
I	CẤP TỈNH							
1	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	<i>- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thông báo công khai: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản;</i> <i>- Thời hạn thông báo công khai tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền và tiếp tục nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân khác (nếu có): 10 ngày, kể từ ngày có thông báo nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên;</i> <i>- Thời hạn chuyển hồ sơ đã tiếp nhận để tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân: 10 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc thông báo và tiếp nhận hồ sơ;</i> <i>- Thời hạn trình phê duyệt: 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản."</i>	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không có	<i>- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024</i> <i>- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ</i> <i>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</i> <i>- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i> <i>- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>	
2	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<i>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;</i> <i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 70 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày);</i> <i>- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;</i> <i>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</i>	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: <i>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép</i> <i>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép</i> <i>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép</i>	<i>- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024</i> <i>- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ</i> <i>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</i> <i>- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i> <i>- Thông tư số 40/2025/TT-</i>	

² Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 và Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
							BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
3	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.”	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không có	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
4	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
5	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại	- Cơ quan có thẩm quyền	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
		khoáng sản	ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 15 ngày đối với trường hợp thay đổi tên gọi hoặc 20 ngày đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.”	Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường		29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
6	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
7	1.014271	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày);	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.”	điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	ng nghiệp và Môi trường	50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép	phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
8	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	- Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo hồ sơ.”	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
9	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 1.000.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác trên 10.000	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 02/2022/TT-	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			quyết.”			m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 40.000.000	BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
						đồng/01 giấy phép (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 80.000.000 đồng/01 giấy phép (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 100.000.000 đồng/01 giấy phép (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 60.000.000 đồng/01 giấy phép (8) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép		
10	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không có	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			quyết.				- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	
11	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.”	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
						trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu		

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
						trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép		
12	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. (2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên gọi hoặc điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận: - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định phê duyệt: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			quyết.					
13	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
14	1.014270	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
						làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép (6) Giấy phép khai thác các loại		

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
						khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép		
15	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 60 ngày đối với trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản hoặc 30 ngày trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	i) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quy định ii) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ /năm đến 10.000 m ³ /năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép - Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
						(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép (4) Giấy phép khai thác khoáng sản		

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
						quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép		
16	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
17	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
		khoáng sản đã được phê duyệt	- Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường		- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	
18	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
19	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 15 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
20	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực - Trước ngày 31/12/2026 đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và được xác định theo trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi tính đến ngày 30/6/2025	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
21	1.014279	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản là 5.000.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
22	1.014280	Gia hạn Giấy phép tận thu khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) là 2.500.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
23		Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. (2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên tổ chức, cá nhân: - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định phê duyệt: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
24	1.014282	Trả lại Giấy phép tận thu khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.”	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
25	1.014283	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.”	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Mức thu lệ phí cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản là 2.500.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
26	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị: 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 25 ngày (không tính thời gian tổ chức, cá nhân	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện:	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện); - Thời hạn trình hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc thẩm định hồ sơ; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ phê duyệt	điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
27	1.014285	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: - Thời hạn kiểm tra, rà soát hồ sơ; kiểm tra thực địa và lấy ý kiến trong trường hợp cần thiết: 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày làm việc); - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối: (1) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: - Thời hạn kiểm tra, rà soát hồ sơ; kiểm tra thực địa và lấy ý kiến trong trường hợp cần thiết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày làm việc); - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: ngay khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.			vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép (3) Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép		
28	1.014286	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: - Thời hạn kiểm tra, rà soát hồ sơ; kiểm tra thực địa và lấy ý kiến trong trường hợp cần	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện:	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			thiết: 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày làm việc); - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: - Thời hạn kiểm tra, rà soát hồ sơ; kiểm tra thực địa và lấy ý kiến trong trường hợp cần thiết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày làm việc); - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ	điện hoặc bản điện từ thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	nghiệp, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối: (1) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép (3) Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép	CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			<i>sơ trình phê duyệt;</i> - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: ngay khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.”					
29	1.014287	Điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: - Thời hạn kiểm tra, rà soát hồ sơ; kiểm tra thực địa và lấy ý kiến trong trường hợp cần thiết: 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đối với (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ); - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			vụ tài chính có liên quan. (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: - Thời hạn kiểm tra, rà soát hồ sơ; kiểm tra thực địa và lấy ý kiến trong trường hợp cần thiết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ); - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: ngay khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. (3) Trường hợp điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (không tăng trữ lượng hoặc khối lượng đã cấp phép) đối với các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn hiệu lực phục vụ các dự án, công trình quan trọng quốc gia,					

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công: - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).					
30	1.014288	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn kiểm tra, rà soát hồ sơ; kiểm tra thực địa và lấy ý cơ quan chuyên môn: 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày làm việc); - Thời hạn thẩm định và trình phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả giải quyết trong trường hợp tổ chức, cá nhân được trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không có	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
31	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Thời hạn xem xét, quyết định và trả kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
32	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Thời hạn xem xét, quyết định và trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
33	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	- Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
34	1.014292	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ	
35	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ	
II	CẤP XÃ							

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
1	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị: 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 25 ngày (không tính thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện); - Thời hạn trình hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc thẩm định hồ sơ; - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ phê duyệt	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
2	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Không quá 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực	Nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	